



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

Hà Nội, tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	Trang
	PHẦN MỞ ĐẦU	
Chương I	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1	Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ	1
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3	Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty	3
Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động	4
Chương II	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 5	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 6	Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	6
Điều 7	Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 8	Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 9	Thu hồi cổ phần	7
Chương III	CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty	8
Chương IV	CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 11	Quyền của cổ đông	8
Điều 12	Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13	Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15	Các đại diện được uỷ quyền	13
Điều 16	Thay đổi các quyền	14
Điều 17	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19	Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23	Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Chương V	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 24	Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	22
Điều 25	Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 26	Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 27	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Chương VI	TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	31
Điều 28	Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 29	Cán bộ quản lý	31
Điều 30	Bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	32
Điều 31	Thư ký công ty	34

Chương VII	BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 32	Ban kiểm soát	35
Điều 33	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	36
Điều 34	Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	38
Chương VIII	NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	36
Điều 35	Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý	39
Điều 36	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	39
Điều 37	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	40
Chương IX	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	41
Điều 38	Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
Chương X	NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY	42
Điều 39	Người lao động, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội	42
Chương XI	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 40	Phân phối lợi nhuận	42
Điều 41	Cổ tức	43
Chương XII	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	44
Điều 42	Tài khoản ngân hàng	44
Điều 43	Năm tài chính	44
Điều 44	Hệ thống kế toán	44
Chương XIII	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	44
Điều 45	Báo hàng năm, sáu tháng và hằng quý, báo cáo thường niên	44
Chương XIV	KIỂM TOÁN CÔNG TY	45
Điều 46	Kiểm toán	45
Chương XV	CON DẤU	46
Điều 47	Con dấu	46
Chương XVI	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	46
Điều 48	Chấm dứt hoạt động	46
Điều 49	Thanh lý	46
Chương XVII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	47
Điều 50	Giải quyết tranh chấp nội bộ	47
Chương XVIII	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	44
Điều 51	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
Chương XIX	NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 52	Ngày hiệu lực	48

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ- VINACOMIN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ – VINACOMIN (dưới đây gọi là “Công ty” được thành lập theo Luật Doanh nghiệp năm 2005 và theo Quyết định số 150/2004/QĐ-BCN ngày 01/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ; Quyết định số 3908/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2006 của HĐQT công ty về việc đổi tên Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ thành Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ – TKV; Quyết định số 24/QĐ - ĐHĐCĐ ngày 07/9/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc đổi tên Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - VINACOMIN;

2. Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ – VINACOMIN được xây dựng trên cơ sở:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng .

3. Điều lệ này được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 được tổ chức vào ngày 24/3/2016.

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ – VINACOMIN. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "**Hội đồng**" có nghĩa là Hội đồng quản trị của công ty được viết tắt "HĐQT".
- b. "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- c. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại điều 5 của Điều lệ này.
- d. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- e. "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- f. "**Pháp luật**" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- g. "**Cán bộ quản lý**" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty. .
- h. "**Người có liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong điều 4 khoản 17 của Luật Doanh nghiệp; Điều 6, khoản 34 của Luật Chứng khoán.
- i. "**Cổ đông**" có nghĩa là mọi tổ chức hay cá nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- j. "**Thời hạn hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.
- k. "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bị sửa đổi, bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Đại hội đồng cổ đông lần gần nhất sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:

a) Tên tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ – VINACOMIN.

b) Tên tiếng Anh:

VINACOMIN – INVESTMENT, TRADING AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên giao dịch Quốc tế viết tắt: V-ITASCO

d) Thương hiệu của Công ty: ITASCO

2. Công ty có biểu tượng (Logo) riêng.



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số thành viên HĐQT, bao gồm chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc công ty. Công ty có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy chế quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà công ty là một đơn vị thành viên.

5. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ : Số 01 Phan Đình Giót – phường Phương Liệt – quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 043.6647595

Fax : 043.6647600

E-mail : Congty@itasco.vn

Website : www.itasco.vn

6. Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 48 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty.

1. Mục tiêu hoạt động là tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty: *g*

2.1 Khai thác và thu gom than cứng, tận thu, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản các loại.

2.2 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2.3 Bốc xếp hàng hóa.

2.4 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

2.5 Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

2.6 Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.

2.7 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê..

2.8 Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

2.9 Hoạt động bảo tồn, bảo tàng.

2.10 Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

2.11 Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.

2.12 Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

2.13 Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

2.14 Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

2.15 Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

2.16 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2.17 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.

2.18 Đại lý, môi giới, đấu giá.

2.19 Vận tải hành khách ven biển và viễn dương.

2.20 Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

2.21 Vận tải hành khách đường thủy nội địa.

2.22 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

2.23 Đóng tàu và cầu kiện nổi.

2.24 Sản xuất xe có động cơ.

2.25 Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe.

2.26 Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển.

2.28 Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

2.29 Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

2.30 Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

2.31 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

2.32 Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

2.33 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

2.34 Hoạt động của các cơ sở thể thao.

2.35 Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù

hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ.

a) Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là: **125.999.000.000, VNĐ (Một trăm hai mươi lăm tỷ, chín trăm, chín mươi chín triệu đồng).**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **12.599.900** cổ phần với mệnh giá là **10.000 VNĐ/cổ phần.**

b) Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Cổ phần:

a) Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này.

4. Chào bán cổ phần:

a) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

b) Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại điều 124 Luật Doanh nghiệp. 

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hay bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Sổ đăng ký cổ đông:

Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ

được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan quyền cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật DN được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (tính theo lãi xuất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty

mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty;
- b) Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tổng Giám đốc điều hành là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- d) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Cơ cấu tổ chức của các Công ty con, Chi nhánh và Văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Chương IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua

gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo, fax, thư điện tử đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp. Trong trường hợp gửi thư đảm bảo, Trưởng ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông có quyền mở phiếu biểu quyết của cổ đông đó tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức tương ứng theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định trong điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

3. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng (06 tháng) trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại điều 24.4 và 32.5;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông,

tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Xem xét báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm đã được kiểm toán theo mẫu của hệ thống kế toán Việt nam.

f) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký theo quy định. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng tối đa không quá 6 tháng. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề

được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 30% trở lên so với số đầu kỳ;
- c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d) Một cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày (30 ngày) kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên nêu tại khoản 3.c Điều này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.d hoặc 3.e Điều này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp như quy định tại mục a khoản này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

- c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 4.b Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 3.d Điều này có quyền thay thế

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

e) Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo Tài chính hàng năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị ;
- d) Kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- d) Lựa chọn Công ty Kiểm toán;
- e) Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do Công ty mua lại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nhưng không thực hiện chào bán.
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;